

- Đơn vị nhập khẩu ủy thác cho dự án có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư để cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ nhập khẩu để làm căn cứ ghi thu, ghi chi và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu đã cung cấp.

- Trường hợp đột xuất trong năm nếu nguồn vốn đối ứng của dự án đã ghi trong kế hoạch năm chưa đủ so với số thuế phải nộp hoặc dự án mới phát sinh chưa đưa vào kế hoạch năm, căn cứ vào bộ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư, Bộ Tài chính sẽ làm thủ tục ghi thu, ghi chi số thuế nói trên và Ủy ban nhân dân các địa phương chủ quản dự án cần làm việc với Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để ghi bổ sung kế hoạch vốn đối ứng trong năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với số thuế nợ đọng phát sinh của hàng hóa nhập khẩu trước ngày 01 tháng 1 năm 2001, Chủ đầu tư phải tự lo đủ vốn để nộp thuế. Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế phải nộp cho cơ quan hải quan do lỗi của Chủ đầu tư không thuộc đối tượng ghi thu, ghi chi, Chủ đầu tư phải tự lo tiền phạt và không được tính tiền phạt vào chi phí đầu tư của dự án.

Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục Hải quan các địa phương việc xử lý đối với các lô hàng nhập khẩu cho dự án cấp nước sử dụng vốn ODA theo cơ chế vay lại từ ngân sách nhà nước sau ngày 01 tháng 1 năm 2001 nhưng chưa thực hiện ghi thu, ghi chi số thuế phải nộp, nếu như Chủ đầu tư đã có công văn đăng ký với cơ quan hải quan về tiến độ hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi về thuế, thì vẫn cho phép đơn vị được ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải chuyên dùng cho dự án được nhận hàng

để bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, không cưỡng chế đối với đơn vị được ủy thác nhập khẩu cho dự án./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ
CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ số 15/2001/TT-BTCCBCP
ngày 11/4/2001 hướng dẫn thực
hiện Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
ngày 17/11/2000 của Chính phủ
về thực hiện chế độ hợp đồng
một số loại công việc trong cơ
quan hành chính nhà nước, đơn
vị sự nghiệp.

Thi hành Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP). Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp hoạt động bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, bao gồm:

1.1. Cơ quan hành chính nhà nước ở Trung

ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

1.2. Các cơ quan, tổ chức khác sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, quyết định việc áp dụng các quy định của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan, tổ chức mình như Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân các cấp;...

1.3. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài gồm: cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ và cơ quan lãnh sự;

1.4. Các đơn vị sự nghiệp hoạt động bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

2. Công việc khác nói tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được hiểu là các công việc như: nấu ăn tập thể, tạp vụ, mộc nề, chăm sóc và bảo vệ cảnh quan trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;...

3. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ ký hợp đồng để làm những công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được điều chỉnh theo Bộ Luật Lao động, Bộ Luật Dân sự và không thuộc chỉ tiêu biên chế, quỹ tiền lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Những người đã ký hợp đồng lao động trước khi có Nghị định số 25/CP, sau đó vẫn tiếp tục ký hợp đồng lao động và những người ký hợp đồng lao động dài hạn sau khi có Nghị định số 25/CP để làm các công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đến nay có đủ điều kiện quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện ký hợp đồng lao động, trừ trường hợp nói tại điểm 5 Phần I của Thông tư này.

5. Không thực hiện chế độ hợp đồng đối với những người:

5.1. Làm bảo vệ ở các cơ quan Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước; những người

trực tiếp được giao công tác bảo vệ kho bạc, kho ấn chỉ thuế, kho ấn chỉ hải quan;

5.2. Lái xe cho các chức danh quy định tại Điều 5, Điều 6 Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ;

5.3. Lái xe chuyên dùng chuyên chở tiền của Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc nhà nước;

5.4. Những người đang làm công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP nhưng đã được tuyển dụng vào biên chế trước ngày Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ có hiệu lực cũng chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng theo hướng dẫn của Thông tư này.

6. Những người đang làm các công việc quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã được tuyển dụng kể từ ngày Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ có hiệu lực cũng chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng theo hướng dẫn của Thông tư này.

II. KÝ KẾT, THỰC HIỆN, THAY ĐỔI, CHẤM DỨT, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KHI HỢP ĐỒNG CÁC CÔNG VIỆC NÓI TẠI ĐIỀU 1 CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP

1. Một số loại công việc theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan nói tại điểm 4 Phần I của Thông tư này được thực hiện thông qua ký kết một trong các hình thức hợp đồng sau đây:

1.1. Hợp đồng kinh tế: được ký kết giữa pháp nhân với pháp nhân và giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

1.2. Hợp đồng lao động: được giao kết trực tiếp giữa người lao động hoặc đại diện hợp pháp của người lao động với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động;

1.3. Hợp đồng thuê khoán tài sản: được ký kết giữa bên giao tài sản và bên thuê tài sản theo quy định của Bộ Luật Dân sự;

1.4. Hợp đồng mượn tài sản: được ký kết giữa bên cho mượn tài sản và bên mượn tài sản theo quy định của Bộ Luật Dân sự;

1.5. Hợp đồng dịch vụ: được ký kết giữa bên làm dịch vụ và bên thuê dịch vụ theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

2. Việc ký kết, thực hiện, thay đổi, chấm dứt, thanh lý và giải quyết tranh chấp giữa các bên tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật về hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng thuê khoán tài sản, hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng dịch vụ.

3. Mẫu hợp đồng được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Trường hợp ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với cá nhân trực tiếp làm các công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thì ngoài những quy định được ghi trong mẫu hợp đồng được ban hành kèm theo Quyết định số 207/LĐTBXH ngày 02 tháng 4 năm 1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cá nhân trực tiếp làm hợp đồng được hưởng các chế độ, chính sách như cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp như sau:

4.1. Được áp dụng bảng lương hành chính quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 để xếp lương theo ngạch và để làm các công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

4.2. Được nâng bậc lương theo thâm niên quy định;

4.3. Được điều chỉnh mức lương khi Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu hoặc theo thang bảng lương mới do cải cách chính sách tiền lương;

4.4. Được tham gia học tập, bồi dưỡng theo yêu cầu của cơ quan;

4.5. Được hưởng các chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;

4.6. Nếu được cơ quan cử đi nước ngoài thì được hưởng quyền lợi như cán bộ, công chức,...

III. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI BÊN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KÝ HỢP ĐỒNG

1. Điều kiện đối với bên ký hợp đồng với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp:

1.1. Cá nhân:

a) Có đủ sức khỏe để làm việc theo yêu cầu của công việc do Bệnh viện đa khoa huyện, quận, tỉnh xác nhận;

b) Có lý lịch rõ ràng, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú xác nhận;

c) Có năng lực và trình độ để hoàn thành công việc (năng lực, trình độ ở đây phụ thuộc vào từng công việc mà cơ quan yêu cầu, cá nhân ký hợp đồng xuất trình những văn bằng, chứng chỉ cần thiết để có thể đảm nhận được nhiệm vụ trong hợp đồng ký kết);

d) Không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hình sự, quản chế hành chính, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào các cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục và trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có liên quan đến công việc ký kết hợp đồng.

1.2. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ phải có khả năng thực hiện công việc quy định tại Điều 1 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện và thẩm quyền đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng:

2.1. Điều kiện: Cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp phải thực sự có nhu cầu về các công việc quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

2.2. Thẩm quyền ký hợp đồng:

a) Việc ký hợp đồng do người đứng đầu các cơ quan quy định tại điểm 1 Phần I của Thông tư này thực hiện.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không trực tiếp thực hiện ký hợp đồng thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người phụ trách công tác tổ chức cán bộ để ký hợp đồng đối với những trường hợp người làm các công việc thường xuyên, không xác định thời hạn và cho người phụ trách Văn phòng thực hiện ký những hợp đồng kinh tế, hợp đồng thuê khoán, hợp đồng dịch vụ,...

b) Trường hợp những cơ quan thuộc Chính phủ quản lý theo hệ thống dọc như Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thống kê, Bảo hiểm xã hội Việt Nam,... thì thủ trưởng cơ quan phải ủy quyền bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc như Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Giám đốc Hải quan tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh,...

c) Trường hợp những Bộ có Tổng cục, Cục trực thuộc, thực hiện quản lý theo hệ thống dọc như Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước Việt Nam,... thì thủ trưởng các cơ quan này phải ủy quyền bằng văn bản cho thủ trưởng các đơn vị trực thuộc như Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh,...

d) Trường hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các đơn vị trực thuộc mà các đơn vị này có đầy đủ tư cách pháp nhân như Tổng cục, Cục, Viện, Sở, Ban, ngành, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung tâm,... thì thủ trưởng các

Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền bằng văn bản cho thủ trưởng các đơn vị này thực hiện ký hợp đồng.

e) Trường hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) có các đơn vị trực thuộc, nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không trực tiếp ký hợp đồng thì ủy quyền bằng văn bản cho Trưởng Phòng Tổ chức lao động huyện thực hiện ký hợp đồng.

Người được ủy quyền quy định tại các tiết a, b, c, d, e phải trực tiếp ký hợp đồng và không được ủy quyền tiếp cho người khác để ký hợp đồng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Kinh phí thực hiện hợp đồng các công việc quy định tại điểm 1 Phần I của Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm giao cho các đơn vị.

2. Các cơ quan quy định tại điểm 1 Phần I của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng phương án các công việc thực hiện hợp đồng của cơ quan đơn vị mình để bảo vệ phương án với cơ quan tổ chức và cơ quan tài chính cùng cấp và gửi báo cáo về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để theo dõi, nhưng dự toán trong những năm đầu không vượt quá tổng chi phí mà năm 2000 đã thực chi để làm các công việc quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

3. Các năm tiếp theo nếu chi phí tăng thêm do yêu cầu công việc thì Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng phương án cụ thể để báo cáo với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Tài chính làm căn cứ xem xét cấp phát tăng thêm.

4. Việc cấp phát, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chế độ hợp đồng một số loại

công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2001/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2001 của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp quy định tại điểm 1 Phần I của Thông tư này sau khi đã hợp đồng các loại công việc quy định tại Điều 1 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và điểm 2 Phần I của Thông tư này không được thu tiền trông giữ phương tiện đi lại của cán bộ, công chức và khách đến làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tỉnh, huyện khi thực hiện khoản 6 Phần I của Thông tư này lập danh sách gửi về Vụ Tổ chức cán bộ (đối với các Bộ, ngành) và Ban Tổ chức chính quyền (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để tổng hợp và báo cáo về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để làm căn cứ giao biên chế từ năm 2001.

4. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001. Những văn bản trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều không có hiệu lực.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức -
Cán bộ Chính phủ

ĐỖ QUANG TRUNG

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng